TRUNG TÂM CÔNG BÁO VÀ TIN HỌC
ttcbth@quangngai.gov.vn
14.06.2024 16:14:39 +07:00

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 14/06/2024 15:54:20

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3108/UBND-KTTH V/v xây dựng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025	*Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 6 năm 2024*

HỎA TỐC

Kính gửi:
- Các sở, ban ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện nội dung Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Công văn số 4488/BKHĐT-TH ngày 11/6/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2025; Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 và lập kế hoạch năm 2025, như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2024

Căn cứ vào kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 đã được UBND tỉnh giao, tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024 (*bao gồm cả vốn kéo dài năm 2023 sang năm 2024*) theo các nội dung sau:

1. Tình hình giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 (nếu có) theo từng nguồn vốn của từng dự án.

2. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm, khả năng thực hiện 9 tháng và ước thực hiện cả năm 2024 theo từng nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước (NSNN) (bao gồm: Vốn NSTW[1] và vốn NSĐP), vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật. Trong đó báo cáo chi tiết: (i) Các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (KTXH); (ii) Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi vốn ứng trước (nếu có); (iii) Thanh toán cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2023, các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024; (iv) Các dự án đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư

[1] Bao gồm: vốn từ nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, vốn từ nguồn Chương trình phục hồi và phát triển KTXH.

vốn NSNN năm 2023 sang năm 2024 (nếu có); (v) Các dự án chuyển tiếp phải bố trí đủ vốn để hoàn thành trong năm 2024; dự án chuyển tiếp theo tiến độ được duyệt; dự án trọng điểm, dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

- Đối với việc bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi vốn ứng trước: Yêu cầu báo cáo chi tiết số vốn còn lại phải bố trí theo từng nguồn vốn (NSTW và NSĐP), nguyên nhân, khó khăn, vướng mắc và dự kiến thời gian bố trí vốn để thực hiện thanh toán toàn bộ nợ xây dựng cơ bản và thu hồi toàn bộ vốn ứng trước theo quy định.

- Đối với nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được để lại đầu tư theo quy định của pháp luật: Yêu cầu báo cáo rõ nguồn thu được để lại theo quy định của pháp luật bố trí cho đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

3. Báo cáo các giải pháp đã triển khai thực hiện để thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2024.

4. Tình hình huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác phục vụ cho đầu tư phát triển, tình hình thực hiện các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

5. Đánh giá chính xác, nêu bật các kết quả đạt được trong 06 tháng đầu năm 2024, tác động của kế hoạch đầu tư công đối với kết quả phát triển KTXH năm 2024; đánh giá tính khả thi và dự kiến mức độ hoàn thành kế hoạch so với mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho cả năm 2024.

6. Nêu rõ những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện, giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2024, phân tích rõ nguyên nhân giải ngân không đạt tiến độ theo yêu cầu của từng dự án và bài học kinh nghiệm trong triển khai thực hiện kế hoạch năm 2024.

7. Các giải pháp, kiến nghị để tiếp tục triển khai có hiệu quả và thực hiện thành công kế hoạch kế hoạch đầu tư công trong những tháng cuối năm 2024.

8. Ngoài ra, đối với 03 Chương trình mục tiêu quốc gia: Yêu cầu các sở, ban, ngành và địa phương đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia 6 tháng đầu năm, khả năng thực hiện 9 tháng và ước thực hiện năm 2024; làm rõ thuận lợi khó khăn, vướng mắc phát sinh, kiến nghị (nếu có). Trong đó đề nghị:

a) Các cơ quan chủ trì dự án, chủ trì tiểu dự án, chủ trì nội dung thành phần cấp tỉnh, các chủ đầu tư, đầu mối giao kế hoạch và UBND cấp huyện đánh giá: Tình hình phân bổ, sử dụng ngân sách NSNN, chi tiết theo các dự án thành phần, chi đầu tư, chi thường xuyên, vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có); kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

b) Cơ quan chủ trì quản lý của từng Chương trình[2] phối hợp với các cơ quan chủ trì dự án, chủ trì tiểu dự án, chủ trì nội dung thành phần cấp tỉnh, các chủ đầu tư, đầu mối giao kế hoạch và UBND cấp huyện đánh giá: Tình hình ban hành, trình ban hành văn bản về các cơ chế, chính sách quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình theo phân cấp (bao gồm cả kết quả sửa đổi, bổ sung các văn bản theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền), đánh giá việc áp dụng các quy định tại Nghị quyết số 111/2024/QH15 trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia; phân bổ, sử dụng NSNN (bao gồm ngân sách được hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW, vốn đối ứng của địa phương theo quy định), chi tiết theo các dự án thành phần, vốn đầu tư, vốn thường xuyên, vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có); kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ các chương trình. Tình hình thực hiện các Nghị quyết số 108/2023/QH15, Nghị quyết số 111/2024/QH15; kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước, các cơ quan thanh tra liên quan trong thực hiện từng Chương trình mục tiêu quốc gia.

B. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

I. Mục tiêu, yêu cầu

Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm cuối để thực hiện thắng lợi các mục tiêu tại các Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch 05 năm 2021 - 2025[3], đồng thời là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Việc lập kế hoạch đầu tư công năm 2025 phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Thực hiện theo đúng các quy định của Luật Đầu tư công, Luật NSNN, các Nghị quyết của Quốc hội, các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Luật NSNN, bám sát, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Hội đồng nhân dân các cấp quyết nghị và Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.

- Các cơ quan, đơn vị và địa phương xác định rõ mục tiêu, khả năng huy động và cân đối nguồn vốn, thứ tự ưu tiên bố trí vốn và khả năng thực hiện, giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2025; triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tránh đầu tư phân tán, dàn trải, manh mún, kém hiệu quả, đảm bảo tiến độ phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án theo đúng quy định của pháp luật.

- Phấn đấu giảm thời gian thực hiện và bố trí vốn các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C so với thời gian tối đa được phép quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, sớm đưa công trình vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

II. Nội dung lập kế hoạch

1. Nội dung chính

Căn cứ mục tiêu, định hướng của từng ngành, địa phương; tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2024, kế

---

[2] Gồm: Ban Dân tộc tỉnh; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

[3] Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, khả năng cân đối vốn trong kế hoạch năm 2025, đề nghị các cơ quan, đơn vị và địa phương báo cáo dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025 theo các nội dung sau:

a) Định hướng, mục tiêu của đầu tư công năm 2025.

b) Dự kiến nhu cầu kế hoạch đầu tư công năm 2025 theo từng nguồn vốn.

c) Dự kiến khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác cho đầu tư phát triển ngoài nguồn vốn đầu tư công.

d) Các thuận lợi và khó khăn, vướng mắc trong việc cân đối và huy động các nguồn vốn đầu tư trong năm 2025 để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch phát triển KTXH năm 2025.

đ) Các đề xuất, kiến nghị và các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2025 của bộ, cơ quan trung ương và địa phương và dự kiến các kết quả đạt được.

2. Nguyên tắc bố trí vốn

Nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công năm 2025 phải đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 51 Luật Đầu tư công, cụ thể:

- Nhằm thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đã được phê duyệt.

- Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của các cấp, các ngành.

- Tuân thủ thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo quy định tại Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2021 - 2025.

- Đáp ứng điều kiện bố trí vốn hằng năm theo quy định tại Điều 53 Luật Đầu tư công; đảm bảo thời gian bố trí vốn thực hiện dự án theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công; hoàn thành việc giao, phân bổ chi tiết hết kế hoạch đầu tư công năm 2025 ***trước ngày 31/12/2024***.

- Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi luỹ kế dự kiến giải ngân vốn đến hết năm 2024 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được giao cho dự án trừ đi số vốn đã giải ngân năm 2021, 2022, 2023 và dự kiến giải ngân năm 2024 (bao gồm số vốn được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và

giải ngân sang năm 2024). Mức vốn bố trí cho từng dự án phải **phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2025**.

- Chỉ thực hiện bố trí vốn cho các dự án khởi công mới sau khi đã hoàn thành thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi toàn bộ vốn ứng trước theo quy định.

- Riêng đối với vốn nước ngoài, bố trí đủ vốn cấp phát từ ngân sách trung ương và vốn nước ngoài vay lại cho các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi có cấu phần vay lại để đảm bảo khả năng giải ngân của dự án theo quy định.

3. Dự kiến danh mục nhiệm vụ, dự án và bố trí kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2025 cho từng nhiệm vụ, dự án

a) Đối với nguồn vốn ngân sách trung ương:

- Căn cứ mục tiêu, định hướng, nguyên tắc bố trí vốn, khả năng cân đối vốn, khả năng thực hiện và giải ngân của từng nhiệm vụ, dự án các cơ quan, đơn vị và địa phương dự kiến danh mục và mức vốn chi tiết bố trí cho các nhiệm vụ, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 theo thứ tự ưu tiên cụ thể như sau:

+ Bố trí đủ vốn để thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi toàn bộ số vốn ứng trước theo quy định của pháp luật (nếu có); bảo đảm sau khi phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2025, không còn nợ đọng xây dựng cơ bản và số dư vốn ứng trước trước phải thu hồi theo quy định tại Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22/6/2023 của Quốc hội;

+ Bố trí đủ vốn cho dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024 nhưng chưa được bố trí đủ vốn, dự án hoàn thành trong năm 2025 theo thời gian bố trí vốn được quy định tại Luật Đầu tư công; trường hợp không còn nhu cầu bố trí vốn cho các dự án nêu trên, đề nghị các cơ quan, đơn vị và địa phương có văn bản cam kết sẽ không tiếp tục bố trí vốn cho các dự này trong các năm tiếp theo, cam kết hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng dự án theo đúng mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền quyết định;

+ Bố trí đủ vốn tham gia vào các dự án PPP, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ cấp bù lãi suất, phí quản lý, cấp vốn điều lệ cho ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

+ Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Bố trí đủ vốn cho các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, đường ven biển, dự án kết nối, có tác động lan tỏa, liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển KT - XH nhanh, bền vững theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, số vốn còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư; trường hợp chưa kịp hoàn thiện thủ

tục đầu tư tại thời điểm lập kế hoạch thì trong báo cáo lập kế hoạch, các cơ quan, đơn vị và địa phương **phải cam kết hoàn thiện quyết định đầu tư của các dự án trước khi giao chi tiết kế hoạch vốn năm 2025 (trước ngày 31/12/2024).**

- Riêng đối với vốn nước ngoài, việc bố trí kế hoạch phải theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật NSNN, Luật Quản lý nợ công và các Nghị định hướng dẫn thi hành, trong đó làm rõ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi các nhà tài trợ nước ngoài được phân bổ cho chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp và vốn đối ứng của các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Đối với các chương trình, dự án hỗn hợp (cả cấp phát và cho vay lại) phải làm rõ mức vốn cấp phát và cho vay lại.

- Việc bố trí vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài phải phù hợp với nội dung của Hiệp định, bảo đảm tiến độ và các cam kết khác đã ký với nhà tài trợ, khả năng cân đối nguồn vốn đối ứng, năng lực của chủ đầu tư chương trình, dự án và tiến độ thực hiện dự án, đảm bảo thứ tự ưu tiên như sau:

+ Bố trí đủ vốn cho dự án kết thúc Hiệp định trong năm 2025 không có khả năng gia hạn Hiệp định, dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025;

+ Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được duyệt;

+ Bố trí theo tiến độ được duyệt và khả năng giải ngân cho dự án mới đã ký Hiệp định.

b) Đối với vốn ngân sách địa phương:

- Căn cứ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật NSNN, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Luật NSNN, các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, dự kiến khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư, các cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ đạo rà soát và dự kiến phương án bố trí vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương năm 2025 phù hợp với các chỉ đạo về xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương của cấp có thẩm quyền, bảo đảm bố trí vốn tập trung và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, trong đó lưu ý:

+ Ưu tiên thanh toán đủ số nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có), thu hồi toàn bộ số vốn ứng trước còn lại phải thu hồi trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

+ Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2025, vốn đối ứng các dự án ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn NSNN tham gia vào các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch, các dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2025, giảm tối đa thời gian bố trí vốn của các dự án so với thời gian bố trí vốn quy định của Luật Đầu tư công;

+ Ưu tiên bố trí đủ vốn theo cam kết cho các dự án quan trọng quốc gia, dự án liên vùng, dự án đường ven biển, dự án đường cao tốc theo tiến độ thực hiện dự án;

+ Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, số vốn còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư.

- Trong quá trình xây dựng kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2025, đề nghị các địa phương ưu tiên dành nguồn vốn phù hợp để làm công tác chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến đề nghị đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nhằm rút ngắn thời gian hoàn thiện thủ tục đầu tư và đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án giai đoạn 2026 - 2030.

- Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: Yêu cầu các địa phương báo cáo dự kiến thu, chi từ nguồn xổ số kiến thiết, trong đó ưu tiên đầu tư nguồn vốn này cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, y tế công lập, xây dựng nông thôn mới; sau khi đã bố trí vốn bảo đảm hoàn thành các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực trên, được bố trí cho các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu và các dự án quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương.

- Đối với nguồn thu sử dụng đất: Yêu cầu xây dựng dự kiến thu, chi từ nguồn này trong năm 2025 sát khả năng thu thực tế của địa phương.

- Đối với nguồn bội chi ngân sách địa phương cấp tỉnh: Theo quy định của Luật NSNN năm 2015, bội chi ngân sách địa phương chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công được HĐND cấp tỉnh quyết định. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị và địa phương chủ động phối hợp với các Bộ, cơ quan trung ương có liên quan để hoàn thiện các thủ tục, ký kết, bổ sung các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài vào kế hoạch trung hạn theo quy định, để làm cơ sở bố trí kế hoạch vốn trong dự toán năm 2025; dự kiến khả năng giải ngân của từng khoản vay để xây dựng kế hoạch vay nợ và bội chi NSĐP cho phù hợp.

- Rà soát, làm rõ số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSĐP giai đoạn 2021 - 2025 đã được giao (bao gồm cả số vốn dự kiến giao trong năm 2025) cao hơn so với kế hoạch đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao (nếu có).

4. Lập kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; các cơ quan, đơn vị và địa phương **lập kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025** ***(gồm mục tiêu, nhiệm vụ, nhu cầu cân đối vốn từ NSNN, huy động nguồn vốn khác và giải pháp tổ thực hiện)***, trên cơ sở đảm bảo các căn cứ và yêu cầu, gồm: **(1)** Các Nghị định của Chính phủ: số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022, số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023; các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 07/2023/NQ-HĐND ngày 15/3/2023; số 26/2023/NQ-HĐND ngày 14/11/2023; các Quyết định của UBND tỉnh: số 23/2023/QĐ-UBND ngày

08/6/2023, số 47/2023/QĐ-UBND ngày 11/12/2023; **(2)** Đánh giá dự kiến kết quả thực hiện các Chương trình MTQG (bao gồm kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ; huy động, phân bổ, sử dụng và giải ngân nguồn vốn ngân sách nhà nước; các nguồn lực lồng ghép khác) năm 2024; **(3)** Kế hoạch thực hiện các Chương trình MTQG 5 năm của các cấp địa phương; các nhiệm vụ cấp bách, đột xuất mới phát sinh đã được cấp có thẩm quyền thông qua nhưng chưa có trong kế hoạch 5 năm của các Chương trình MTQG; **(4)** Quyết định phê duyệt đầu tư, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, thông báo mức vốn sự nghiệp nguồn NSTW giai đoạn 2024 - 2025 của từng chương trình mục tiêu quốc gia. Trong đó:

a) Các cơ quan chủ trì quản lý của từng chương trình[4]: Dự kiến các mục tiêu, chỉ tiêu theo từng chương trình; đề xuất nhu cầu vốn hỗ trợ từ NSTW (bao gồm vốn đầu tư, vốn thường xuyên) chi tiết theo từng nội dung, dự án thành phần; khả năng cân đối vốn đối ứng từ NSĐP theo quy định (bao gồm vốn đầu tư, vốn thường xuyên); kế hoạch huy động, sử dụng các nguồn vốn khác (gồm: vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác; vốn tín dụng; vốn huy động khác); danh mục dự án đầu tư (nếu có). Qua đó, thực hiện hướng dẫn các cơ quan chủ trì dự án, chủ trì tiểu dự án, chủ trì nội dung thành phần cấp tỉnh và UBND cấp huyện lập kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 của từng cấp, ngành.

b) Các cơ quan chủ trì dự án, chủ trì tiểu dự án, chủ trì nội dung thành phần cấp tỉnh, các chủ đầu tư, đầu mối giao kế hoạch và UBND cấp huyện bám sát vào nội dung hướng dẫn của 03 Cơ quan chủ trì quản lý từng chương trình để lập kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 của từng cấp, ngành đảm bảo phù hợp với kế hoạch thực hiện từng Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh trong năm 2025 (riêng UBND cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn UBND cấp xã và các phòng ban liên quan lập và đề xuất kế hoạch các chương trình mục tiêu quốc trên địa bàn huyện, qua đó tổng hợp chung thành kế hoạch thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 của địa phương).

c) Cơ quan, đơn vị sử dụng vốn NSNN thực hiện các chương trình: Đề xuất nhu cầu vốn NSNN thực hiện từng nội dung, nhiệm vụ, hoạt động thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định Luật Đầu tư công, Luật NSNN.

4. Lập kế hoạch vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp dành để đầu tư theo quy định của pháp luật

Căn cứ vào khả năng từng nguồn thu cụ thể, xây dựng kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật theo các nội dung dưới đây:

---

[4] Gồm: Ban Dân tộc tỉnh; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

a) Dự kiến kế hoạch từng nguồn thu cụ thể của các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật, căn cứ pháp lý để lại các khoản thu này.

b) Trên cơ sở dự kiến kế hoạch các khoản thu hợp pháp của các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật, dự kiến số vốn để lại cho đầu tư và dự kiến phương án phân bổ chi tiết theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các mục tiêu, nhiệm vụ quy định tại các Nghị quyết của Quốc hội, quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (nếu có) đối với từng nguồn thu cụ thể.

c) Dự kiến phương án phân bổ cụ thể đối với từng nguồn vốn theo các nguyên tắc quy định tại Mục 1 trên đây và phù hợp với khả năng thu năm 2025.

III. Kết quả dự kiến đạt được của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

1. Dự kiến kết quả đạt được trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được giao (đánh giá riêng đối với từng Chương trình mục tiêu quốc gia - nếu có).

2. Khó khăn, hạn chế, vướng mắc. Nguyên nhân. Bài học kinh nghiệm.

3. Kiến nghị, đề xuất (nếu có).

IV. TIẾN ĐỘ LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

Căn cứ trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công hằng năm theo quy định tại Điều 56 Luật Đầu tư công năm 2019, để đảm bảo tiến độ báo cáo HĐND tỉnh thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025 tại kỳ họp giữa năm 2024; Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2025 theo tiến độ như sau:

1. Các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024 và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị cấp dưới xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2025; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính) **trước ngày 20/6/2024**.

2. Riêng đối với 03 Chương trình mục tiêu quốc gia:

- Các cơ quan chủ trì dự án, chủ trì tiểu dự án, chủ trì nội dung thành phần cấp tỉnh, các chủ đầu tư, đầu mối giao kế hoạch và UBND cấp huyện gửi cơ quan chủ trì quản lý từng chương trình (đồng gửi về Sở Kế hoach và Đầu tư, Sở Tài chính) **trước ngày 18/6/2024.**

- Các cơ quan chủ trì quản lý từng chương trình[5] tổng hợp, báo cáo đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia 6 tháng đầu

[5] Gồm: Ban Dân tộc tỉnh; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

năm, khả năng thực hiện 9 tháng, ước thực hiện năm 2024 và xây dựng kế hoạch thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 của tỉnh, hoàn thành báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính) **trước ngày 20/6/2024**.

(Theo các Biểu mẫu đính kèm)

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2025 *(Chi tiết dự toán theo từng nguồn vốn tại Biểu mẫu số I)*, trong đó, lưu ý xây dựng kế hoạch phải phù hợp với các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của NSNN trong năm, phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch tài chính ngân sách 5 năm giai đoạn 2021 - 2025; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) **trước ngày 21/6/2024**.

4. Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi: Báo cáo nhanh tình hình thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 tính đến ngày 20/6/2024; báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính) **trước ngày 20/6/2024**.

5. Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và cơ quan, đơn vị liên quan khẩn trương tổng hợp, dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025, tham mưu UBND tỉnh **trước ngày 24/6/2024** để trình HĐND tỉnh tại kỳ họp giữa năm 2024. Ngay sau khi được HĐND tỉnh thông qua, hoàn thiện báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024 và xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2025, kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025, trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, các P.Ng/cứu;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTTHbao213.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Trần Hoàng Tuấn

Biểu mẫu số I

ƯỚC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

(Kèm theo Công văn số 3108 /UBND-KTTH ngày 14 /6/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2024				KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Nhu cầu kế hoạch năm 2025	Ghi chú
		Kế hoạch	Ước giải ngân từ 1/1/2024 đến 30/6/2024	Ước giải ngân từ 1/1/2024 đến 30/9/2024	Ước giải ngân từ 1/1/2024 đến 31/12/2024			
1	2	3		4	5	6	8	9
	TỔNG SỐ							
1	**Vốn đầu tư từ NSNN**							
	Trong đó:							
a)	***Vốn ngân sách địa phương***							
-	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm đất, xổ số và bội chi)							
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất							
-	Xổ số kiến thiết							
-	Bội chi ngân sách địa phương							
	Trong đó: Vốn trái phiếu chính quyền địa phương							
b)	***Vốn ngân sách trung ương***							
-	Vốn trong nước							
-	Vốn nước ngoài							
2	**Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệpcông lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật**							

Biểu mẫu II

CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2025

(Kèm theo Công văn số 3108/UBND-KTTH ngày 14/6/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Dấu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2024								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025										Nhu cầu kế hoạch năm 2025					Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2024 đến 30/6/2024		Ước giải ngân từ 1/1/2024 đến 30/9/2024		Ước giải ngân từ 1/1/2024 đến 31/12/2024				Giai đoạn 2021-2025					Trong đó: đã giao KH các năm 2021,2022,2023,2024											
																				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP				
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Tổng số	*Trong đó:*				Tổng số	*Trong đó:*				Tổng số	*Trong đó:*			
																						Thu hồi ứng trước	*Thanh toán nợ XDCB (nếu có)*	*Chuẩn bị đầu tư*			*Thu hồi ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB (nếu có)*	*Chuẩn bị đầu tư*				*Thu hồi ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB (nếu có)*	*Chuẩn bị đầu tư*	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38
	TỔNG SỐ																																		
A	**NGÀNH/ LĨNH VỰC...**																																		
I	**Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư**																																		
1	Dự án ...																																		
...	.....																																		
II	**Thực hiện dự án**																																		
(1)	**Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023**																																		
a	*Dự án nhóm A*																																		
1	Dự án ...																																		
2	Dự án ...																																		
...	.....																																		
b	*Dự án nhóm B*																																		
1	Dự án ...																																		
...	.....																																		
c	*Dự án nhóm C*																																		
1	Dự án ...																																		
...	.....																																		
(2)	**Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024**																																		
a	*Dự án nhóm A*																																		
1	Dự án ...																																		
...	.....																																		
b	*Dự án nhóm B*																																		
1	Dự án ...																																		
...	.....																																		
c	*Dự án nhóm C*																																		
1	Dự án ...																																		
...	.....																																		
(3)	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024**																																		

TT	Danh mục dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2024								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025									Nhu cầu kế hoạch năm 2025					Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2024 đến 30/6/2024		Ước giải ngân từ 1/1/2024 đến 30/9/2024		Ước giải ngân từ 1/1/2024 đến 31/12/2024				Giai đoạn 2021-2025					Trong đó: đã giao KH các năm 2021,2022,2023,2024					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP								
																						Trong đó:								*Trong đó:*				
																						Thu hồi ứng trước	*Thanh toán nợ XDCB (nếu có)*	*Chuẩn bị đầu tư*						*Thu hồi ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB (nếu có)*	*Chuẩn bị đầu tư*		
a	*Dự án nhóm A*																																	
1	Dự án																																	
..	.....																																	
b	*Dự án nhóm B*																																	
1	Dự án																																	
..																																		
c	*Dự án nhóm C*																																	
1	Dự án																																	
..	.....																																	
(4)	**Các dự án khởi công mới năm 2025**																																	
a	*Dự án nhóm A*																																	
1	Dự án																																	
..	.....																																	
b	*Dự án nhóm B*																																	
1	Dự án																																	
..	.....																																	
c	*Dự án nhóm C*																																	
1	Dự án																																	
..	.....																																	
B	**NGÀNH/ LĨNH VỰC...**																																	
..	**PHÂN LOẠI NHƯ TRÊN**																																	

Biểu mẫu III

CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023
VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2024 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Công văn số 3108/UBND-KTTH ngày 14/6/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2024								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025										Nhu cầu kế hoạch năm 2025					Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2024 đến 30/6/2024		Ước giải ngân từ 1/1/2024 đến 30/9/2024		Ước giải ngân từ 1/1/2024 đến 31/12/2024				Giai đoạn 2021-2025					Trong đó: đã giao KH các năm 2021,2022, 2023, 2024					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW: Tổng số	Trong đó: NSTW: *Trong đó:* *Thu hồi ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB (nếu có)*	*Chuẩn bị đầu tư*	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW: Tổng số	Trong đó: NSTW: *Trong đó:* *Thu hồi ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB (nếu có)*	*Chuẩn bị đầu tư*	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW: Tổng số	Trong đó: NSTW: *Trong đó:* *Thu hồi ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB (nếu có)*	*Chuẩn bị đầu tư*	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38
	TỔNG SỐ																																		
A	**NGÀNH/ LĨNH VỰC...**																																		
I	**Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư**																																		
1	Dự án ...																																		
...	.....																																		
II	**Thực hiện dự án**																																		
(1)	**Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023**																																		
a	***Dự án nhóm A***																																		
1	Dự án ...																																		
2	Dự án ...																																		
...	.....																																		
b	***Dự án nhóm B***																																		
1	Dự án ...																																		
...	.....																																		
c	***Dự án nhóm C***																																		
1	Dự án ...																																		
...	.....																																		
(2)	**Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024**																																		
a	***Dự án nhóm A***																																		
1	Dự án ...																																		
...	.....																																		
b	***Dự án nhóm B***																																		
1	Dự án ...																																		
...	.....																																		
c	***Dự án nhóm C***																																		
1	Dự án ...																																		
...	.....																																		
(3)	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024**																																		

TT	Danh mục dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2024								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025									Nhu cầu kế hoạch năm 2025					Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2024 đến 30/6/2024		Ước giải ngân từ 1/1/2024 đến 30/9/2024		Ước giải ngân từ 1/1/2024 đến 31/12/2024				Giai đoạn 2021-2025					Trong đó: đã giao KH các năm 2021,2022, 2023, 2024									
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
																					Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	*Trong đó:*			
																						Thu hồi ứng trước	*Thanh toán nợ XDCB (nếu có)*	*Chuẩn bị đầu tư*		*Thu hồi ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB (nếu có)*	*Chuẩn bị đầu tư*		*Thu hồi ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB (nếu có)*	*Chuẩn bị đầu tư*	
a	*Dự án nhóm A*																																	
1	Dự án ...																																	
...	.....																																	
b	*Dự án nhóm B*																																	
1	Dự án ...																																	
...	.....																																	
c	*Dự án nhóm C*																																	
1	Dự án ...																																	
...	.....																																	
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2025																																	
a	*Dự án nhóm A*																																	
1	Dự án ...																																	
...	.....																																	
b	*Dự án nhóm B*																																	
1	Dự án ...																																	
...	.....																																	
c	*Dự án nhóm C*																																	
1	Dự án ...																																	
...	.....																																	
B	NGÀNH/ LĨNH VỰC...																																	
...	PHÂN LOẠI NHƯ TRÊN																																	

Biểu mẫu IV

CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2024 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2025

(Kèm theo Công văn số 3108/UBND-KTTH ngày 14/6/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư								Năm 2024												KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2022-2025								Nhu cầu KH năm 2025				Ghi chú
							Số quyết định	TMĐT							Kế hoạch vốn			Ước giải ngân kế hoạch năm 2024 từ 1/1/2024 đến 30/6/2024			Ước giải ngân kế hoạch năm 2024 từ 1/1/2024 đến 30/9/2024			Ước giải ngân kế hoạch năm 2024 từ 1/1/2024 đến 31/12/2024			Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: Đã giao KH các năm 2021, 2022, 2023, 2024								
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn đối ứng		Trong đó: Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Tổng số	Trong đó: Vốn đối ứng	Trong đó: Vốn nước ngoài	Tổng số	Trong đó: Vốn đối ứng	Trong đó: Vốn nước ngoài	Tổng số	Trong đó: Vốn đối ứng	Trong đó: Vốn nước ngoài	Tổng số	Trong đó: Vốn đối ứng	Trong đó: Vốn nước ngoài	Tổng số	Trong đó: Vốn đối ứng nguồn NSTW		Trong đó: Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Trong đó: Vốn đối ứng nguồn NSTW		Trong đó: Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Trong đó: Vốn đối ứng nguồn NSTW		Trong đó: Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	
									Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt: Tổng số	Trong đó: Đưa vào cân đối NSTW	Trong đó: Vay lại												Tổng số	Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước		Tổng số	Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước		Tổng số	Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
	TỔNG SỐ																																						
A	**VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC**																																						
1	**Ngành, Lĩnh vực.....**																																						
1	*Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023*																																						
a	*Dự án nhóm A*																																						
(1)	Dự án																																						
(2)	Dự án																																						
	.....																																						
b	*Dự án nhóm B*																																						
(1)	Dự án																																						
c	*Dự án nhóm C*																																						
(1)	Dự án																																						
	.....																																						
2	*Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024*																																						
a	*Dự án nhóm A*																																						
(1)	Dự án																																						
	.....																																						
b	*Dự án nhóm B*																																						
(1)	Dự án																																						
c	*Dự án nhóm C*																																						
(1)	Dự án																																						
	.....																																						
3	*Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024*																																						
a	*Dự án nhóm A*																																						

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư								Năm 2024												KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2022-2025								Nhu cầu KH năm 2025				Ghi chú
							Số quyết định	TMĐT							Kế hoạch vốn			Ước giải ngân kế hoạch năm 2024 từ 1/1/2024 đến 30/6/2024			Ước giải ngân kế hoạch năm 2024 từ 1/1/2024 đến 30/9/2024			Ước giải ngân kế hoạch năm 2024 từ 1/1/2024 đến 31/12/2024			Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: Đã giao KH các năm 2021, 2022, 2023, 2024								
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*						Tổng số	*Trong đó:*		Tổng số	*Trong đó:*		Tổng số	*Trong đó:*		Tổng số	*Trong đó:*		Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	*Trong đó:*			
									Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)																	Vốn đối ứng nguồn NSTW				Vốn đối ứng nguồn NSTW				Vốn đối ứng nguồn NSTW			
									Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt															Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)			Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	
												Tổng số	Trong đó:																										
													Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại																										
(1)	Dự án																																						
...	.....																																						
b	*Dự án nhóm B*																																						
(1)	Dự án																																						
...																																							
c	*Dự án nhóm C*																																						
(1)	Dự án																																						
...	.....																																						
4	*Danh mục dự án khởi công mới năm 2025*																																						
a	*Dự án nhóm A*																																						
(1)	Dự án																																						
...	.....																																						
b	*Dự án nhóm B*																																						
(1)	Dự án																																						
...																																							
c	*Dự án nhóm C*																																						
(1)	Dự án																																						
...	.....																																						
II	**Ngành, Lĩnh vực.....**																																						
...	**Phân loại như trên**																																						
B	**VỐN NƯỚC NGOÀI GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC**																																						
...	**Phân loại như phần A**																																						

Biểu mẫu V

CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2024 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2025 VỐN TỪ NGUỒN THU HỢP PHÁP CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP DÀNH ĐỂ ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

(Kèm theo Công văn số 3108 /UBND-KTTH ngày 14 /6/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2024								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025					Nhu cầu kế hoạch năm 2025					Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2024 đến 30/6/2024		Ước giải ngân từ 1/1/2024 đến 30/9/2024		Ước giải ngân từ 1/1/2024 đến 31/12/2024				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn từ nguồn thu hợp pháp	Trong đó: Vốn từ nguồn thu hợp pháp				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn từ nguồn thu hợp pháp				
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn từ nguồn thu hợp pháp			Tổng số	Trong đó:					Trong đó:	Trong đó:			
																					Tổng số	Thu hồi ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Chuẩn bị đầu tư		Tổng số	Thu hồi ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Chuẩn bị đầu tư	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
	TỔNG SỐ																													
A	NGÀNH/ LĨNH VỰC...																													
I	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư																													
1	Dự án ...																													
...	.....																													
II	Thực hiện dự án																													
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023																													
a	*Dự án nhóm A*																													
1	Dự án ...																													
2	Dự án ...																													
...	.....																													
b	*Dự án nhóm B*																													
1	Dự án ...																													
...	.....																													
c	*Dự án nhóm C*																													
1	Dự án ...																													
...	.....																													
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024																													
a	*Dự án nhóm A*																													
1	Dự án ...																													
...	.....																													
b	*Dự án nhóm B*																													
1	Dự án ...																													
...	.....																													
c	*Dự án nhóm C*																													
1	Dự án ...																													
...	.....																													
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024																													
a	*Dự án nhóm A*																													
1	Dự án ...																													
...	.....																													
b	*Dự án nhóm B*																													
1	Dự án ...																													
...	.....																													
c	*Dự án nhóm C*																													
1	Dự án ...																													
...	.....																													
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2025																													
a	*Dự án nhóm A*																													
1	Dự án ...																													
...	.....																													
b	*Dự án nhóm B*																													

TT	Danh mục dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2024								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025					Nhu cầu kế hoạch năm 2025					Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2024 đến 30/6/2024		Ước giải ngân từ 1/1/2024 đến 30/9/2024		Ước giải ngân từ 1/1/2024 đến 31/12/2024					Trong đó: Vốn từ nguồn thu hợp pháp				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn từ nguồn thu hợp pháp				
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	*Trong đó:*				Tổng số	*Trong đó:*			
																						Thu hồi ứng trước	*Thanh toán nợ XDCB (nếu có)*	*Chuẩn bị đầu tư*			*Thu hồi ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB (nếu có)*	*Chuẩn bị đầu tư*	
I	Dự án ...																													
...	.....																													
c	*Dự án nhóm C*																													
I	Dự án ...																													
...	.....																													
B	**NGÀNH/ LĨNH VỰC...**																													
...	**PHÂN LOẠI NHƯ TRÊN**																													